TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Lường Thị B, sinh năm: 1987. Nơi ĐKHKTT: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Lò Văn H, sinh năm: 1979. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lường Thị B và anh Lò Văn H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Lường Thị B và anh Lò Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị B, anh H có 03 con chung là các cháu Lò Thị N, sinh ngày 01/10/2006; cháu Lò Thị Nga T, sinh ngày 28/7/2008 và cháu Lò Chí Q, sinh

ngày 25/8/2011. Giao cháu N, cháu T, cháu Q cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị B, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Chị B chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo B lai thu số AA/2016/0003214 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị B được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh